

Số: 1092/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 05 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính nội dung Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng đã được hợp nhất tại văn bản số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp – Đô thị Châu Đức tại huyện Tân Thành (nay là thị trấn Phú Mỹ) và huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 36./TTr-SXD ngày 29.../4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính nội dung Bảng tính toán cơ cấu sử dụng đất tại Mục 2 (trang 2 và 3) của Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

TT	Thành phần đất đai	QĐ 1884/QĐ-UBND ngày 14/07/2016		Theo quy hoạch điều chỉnh cục bộ		Tăng (+) Giảm (-)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất xây dựng công nghiệp	1.104,44	70,97	1.109,25	71,28	+4,81
1	Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp công nghệ cao	194,04	12,47	194,04	12,47	0
2	Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp ít ô nhiễm, sạch	140,03	9,00	140,03	9,00	0
3	Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp đa ngành	770,37	49,51	775,18	49,81	+4,81
II	Đất kho bãi, cảng ICD	41,09	2,64	36,28	2,33	-4,81
III	Đất điều hành dịch vụ	1,95	0,13	1,95	0,13	0
IV	Đất tái định cư bổ sung (phía Bắc KCN-ĐT)	2,83	0,18	2,83	0,18	0
VI	Đất công trình Hạ tầng kỹ thuật	16,62	1,07	16,62	1,07	0
V	Đất xây xanh - mặt nước	170,06	10,93	170,06	10,93	0
VII	Đất giao thông	219,15	14,08	219,15	14,08	0
	TỔNG CỘNG	1.556,14	100,00	1.556,14	100,00	0

- Nội dung sau khi đính chính: Bảng tính toán cơ cấu sử dụng đất như sau:

TT	Thành phần đất đai	Quy hoạch duyệt năm 2017		Theo quy hoạch điều chỉnh		Chênh lệch (ha)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất xây dựng công nghiệp	1109.25	71.28	1108.9	71.26	-0.35
1	Đất công nghiệp chất lượng cao và công nghiệp hỗ trợ (*)	194.04	12.47	194.04	12.47	
2	Đất xây dựng NMXN ít ô nhiễm, sạch	140.03	9.0	140.03	9.0	
3	Đất xây dựng NMXN đa ngành	775.18	49.81	774.83	49.79	-0.35
II	Đất kho bãi, cảng ICD	36.28	2.33	36.28	2.33	
III	Đất điều hành dịch vụ	1.95	0.13	1.95	0.13	
IV	Đất tái định cư bổ sung (phía Bắc KCN-ĐT)	2.83	0.18	2.83	0.18	
V	Đất công trình Hạ tầng kỹ thuật	16.62	1.07	16.62	1.07	
VI	Đất xây xanh - mặt nước	170.06	10.93	169.12	10.87	-0.94
VII	Đất giao thông	219.15	14.08	220.44	14.17	1.29
	TỔNG	1556.14	100	1556.14	100	

(*) Trước đây là đất xây dựng NMXN công nghệ cao

- Lý do đính chính: do sai sót số liệu khi soạn thảo văn bản.

Điều 2. Quyết định này là một bộ phận không thể tách rời của Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Các nội dung khác quy định tại Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giữ nguyên không đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Khoa học Công nghệ; BQL các KCN tỉnh BR-VT; UBND huyện Châu Đức, Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH *mmh*
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc